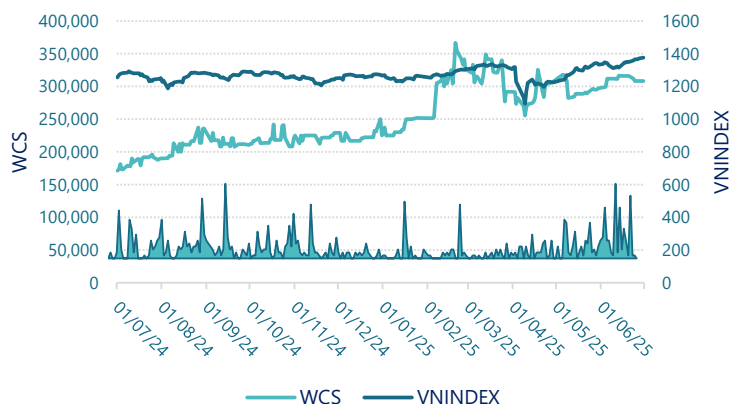


CTCP Bến xe Miền Tây (HNX: WCS)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	369,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	366,702
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	171,266
SL cổ phiếu LH	2,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	290
% sở hữu nước ngoài	28.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	925
P/E	11.7
EPS	31,747

DT thuần

Q2/25

43.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.00 | 2.3%

YoY: ▲ 4.00 | 10.0%

LN sau thuế

Q2/25

22.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.30 | 6.2%

YoY: ▲ 2.20 | 11.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

64.4%

+/- YoY: ▲ 0.7%

DT thuần

6T 2025

86.0

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.50 | 9.6%

LN sau thuế

6T 2025

43.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.90 | 9.9%

ROE

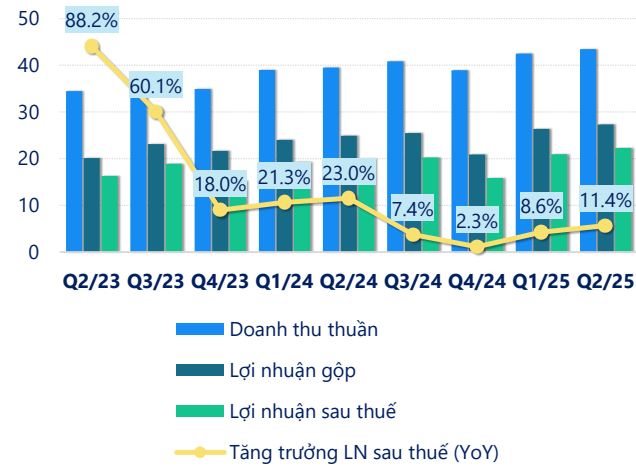
Q2/25

32.0%

+/- YoY: ▼ 0.5%

tỷ VNĐ

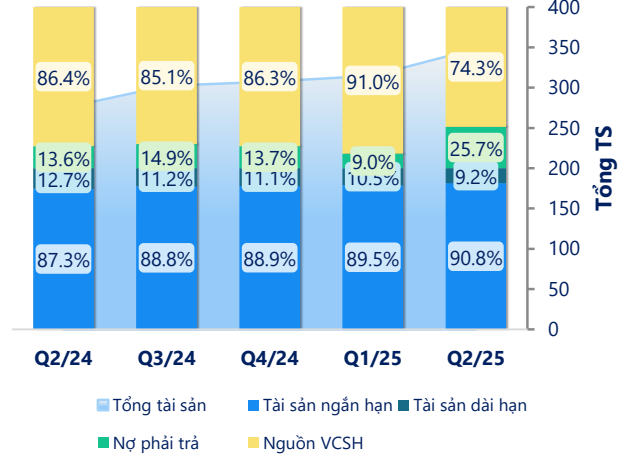
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

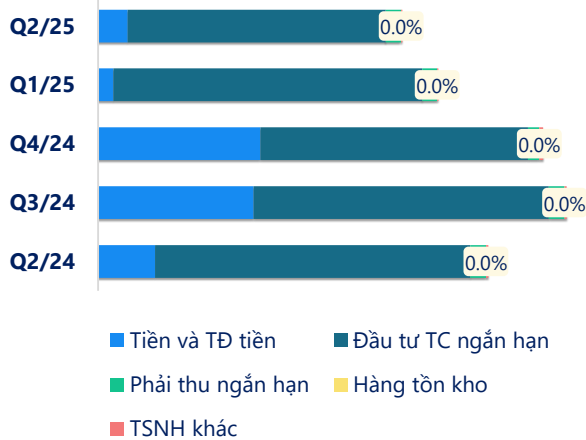
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



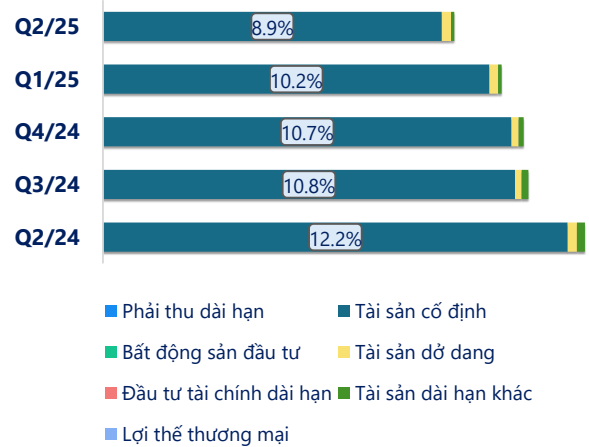
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

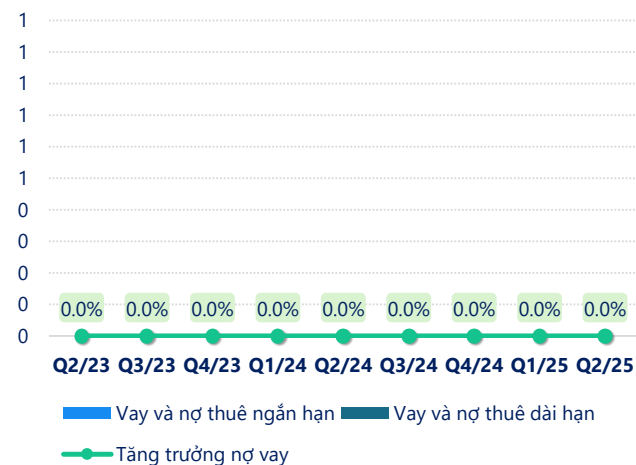
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

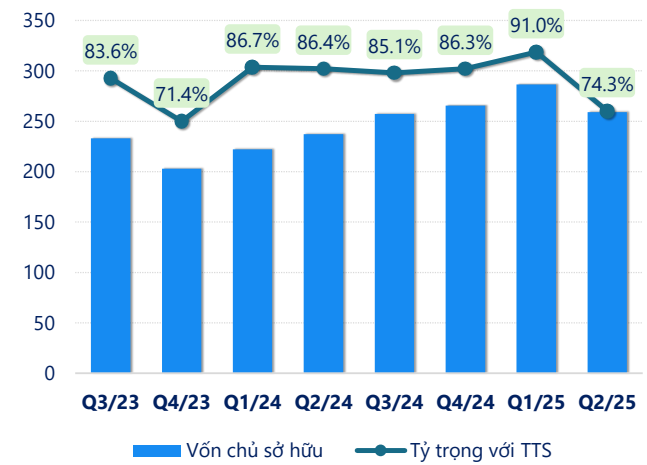
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

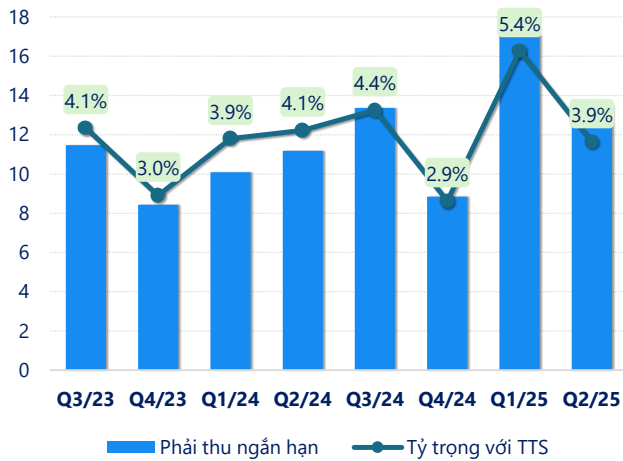
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



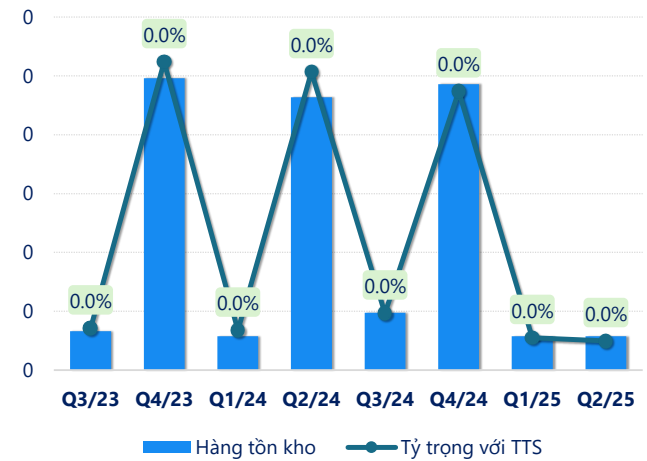
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


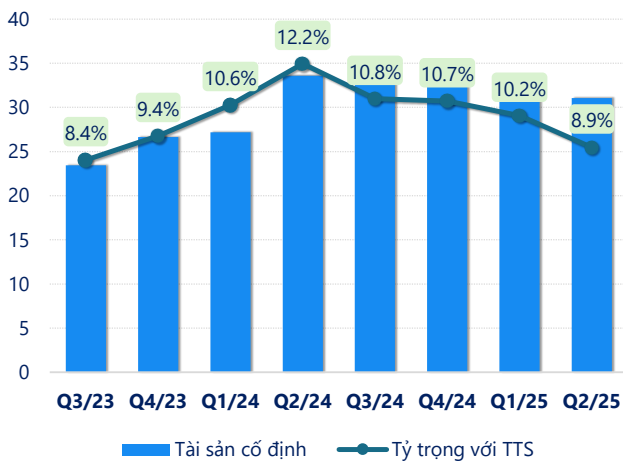
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


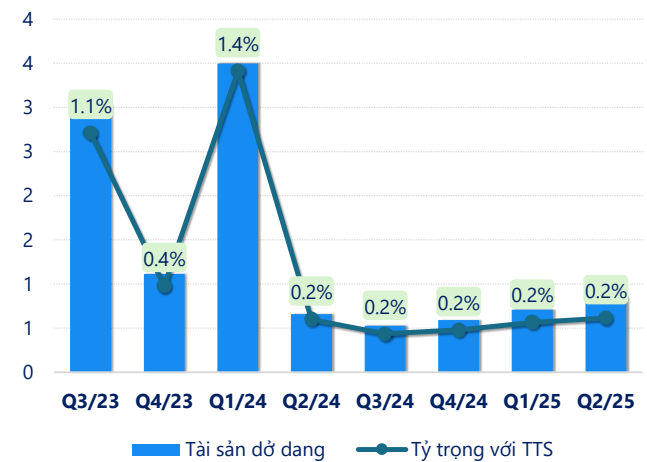
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

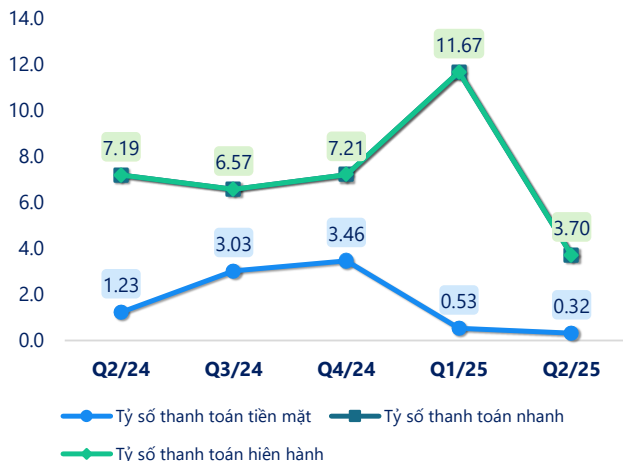
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

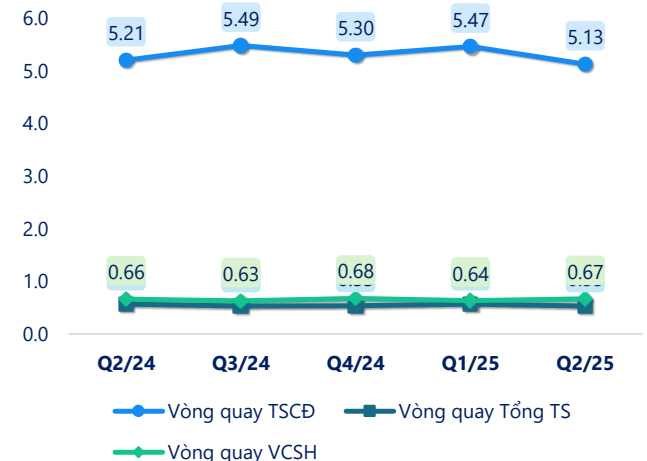
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	274	302	308	315	348
Tài sản ngắn hạn	240	268	274	282	316
Tiền và tương đương tiền	41.1	124	131	12.7	27.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	186	131	131	252	275
Phải thu ngắn hạn	11.2	13.4	8.84	17.1	13.5
Hàng tồn kho	0.09	0.02	0.10	0.01	0.01
Tài sản ngắn hạn khác	0.86	0.74	2.57	0.29	0.75
Tài sản dài hạn	34.8	33.9	34.1	33.0	32.2
Phải thu dài hạn	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01
Tài sản cố định	33.6	32.8	33.1	32.0	31.1
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.66	0.53	0.59	0.71	0.86
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.58	0.55	0.41	0.30	0.30
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	37.4	45.0	42.0	28.2	89.4
Nợ ngắn hạn	33.3	40.9	38.0	24.1	85.3
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	2.04	0.18	0.19	0.18	0.28
Nợ dài hạn	4.10	4.11	4.07	4.06	4.05
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	237	257	266	287	259
Vốn chủ sở hữu	237	257	266	287	259
Vốn điều lệ	25.0	25.0	25.0	25.0	25.0
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)